

MÔ HÌNH LIÊN KẾT TRỒNG RỪNG THEO TIÊU CHUẨN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ RỪNG (FSC) TẠI TỈNH TUYỀN QUANG

Đỗ Hải Yến^{1*}, Nguyễn Tuấn Sơn²

¹*Trường Đại học Tân Trào*

²*Khoa Kinh tế và Phát triển nông thôn, Học viện Nông nghiệp Việt Nam*

*Tác giả liên hệ: dohaiyentq@gmail.com

Ngày nhận bài: 25.09.2019

Ngày chấp nhận đăng: 15.11.2019

TÓM TẮT

Nghiên cứu này nhằm tìm hiểu thực trạng phát triển mô hình liên kết trồng rừng theo tiêu chuẩn của Hội đồng quản lý rừng (Forest Stewardship Council - FSC) trên địa bàn tỉnh Tuyen Quang. Nghiên cứu sử dụng phương pháp tiếp cận hệ thống và tiếp cận có sự tham gia. Kết quả điều tra 120 hộ gia đình trồng rừng cho thấy nhóm hộ tham gia mô hình liên kết trồng rừng theo tiêu chuẩn FSC có thu nhập khi khai thác cuối chu kỳ cao hơn từ 10-15% so với nhóm hộ không tham gia mô hình và trồng theo phương pháp thông thường. Mặc dù thấy được lợi ích từ việc trồng rừng có chứng chỉ FSC nhưng đến nay số diện tích rừng trồng có chứng chỉ FSC của các hộ dân trên địa bàn tỉnh còn rất thấp, mô hình phần lớn vẫn mang tính chất tự phát. Nghiên cứu đã đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện và phát triển mô hình liên kết trồng rừng theo tiêu chuẩn FSC như: Nâng cao nhận thức cho các hộ về phát triển rừng trồng có chứng chỉ FSC theo nhóm; xây dựng cơ chế liên kết bền vững giữa doanh nghiệp với các nhóm hộ; tăng cường vai trò hỗ trợ và kết nối các bên của chính quyền địa phương.

Từ khóa: Mô hình, trồng rừng, liên kết, chứng chỉ FSC, Tuyen Quang.

Afforestation Linkage Model with FSC Standards in Tuyen Quang Province

ABSTRACT

The present study was aimed at investigating the current status of afforestation linkage model with the Forest Stewardship Council (FSC) standards in Tuyen Quang province. Systematic and participatory approach methods were used. Based on a survey of 120 forest planting households, the study revealed that additional income of households who participated in the linkage model and were able to sell FSC certified timber was 10-15% higher than non-participating households. Although many benefits from FSC afforestation linkage model, the forest area with FSC of households in Tuyen Quang province were attained, the afforestation was still in small scale and farmers still did not actively participate in the model. The study therefore recommended feasible solutions in order to develop afforestation linkage model with FSC standards in Tuyen Quang province such as enhancing the household's awareness about benefits of model; establishing an effective permanent linkage structure between wood processing companies and farmers; local governments should play a role in the linkage by supporting and connecting between the two parties.

Keywords: Model, afforestation, linkage, FSC certification, Tuyen Quang.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Mô hình liên kết phát triển rừng trồng đạt chứng chỉ quản lý rừng bền vững (FSC) là một trong những mô hình điển hình về liên kết giữa công ty chế biến gỗ xuất khẩu và các hộ trồng

rừng vùng núi. Mô hình hiện đang được cho là đem lại lợi ích kép, nó không chỉ mang lại lợi ích về mặt giá trị kinh tế mà còn góp phần đáng kể trong hoạt động bảo vệ môi trường sinh thái.

Tuyen Quang là một tỉnh miền núi phía Bắc, hiện có 448.681 ha đất lâm nghiệp, chiếm

76% tổng diện tích đất tự nhiên. Trong đó, tính đến hết năm 2018, diện tích rừng trồng trong toàn tỉnh là 187.674 ha (Sở NN&PTNT, 2018). Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2015-2020 đã lựa chọn phát triển kinh tế lâm nghiệp hàng hóa là một trong 3 lĩnh vực đột phá của tỉnh (Nghị quyết HĐND tỉnh Tuyên Quang, 2016). Xác định quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ rừng là một trong những giải pháp quan trọng trong việc nâng cao giá trị sản xuất lâm nghiệp. Năm 2015 UBND tỉnh Tuyên Quang đã chỉ đạo Sở NN&PTNT chủ động hợp tác với Công ty cổ phần Woodland mời các chuyên gia từ Quỹ phát triển rừng Quốc tế hỗ trợ làm chứng chỉ rừng FSC. Mô hình liên kết trồng rừng theo tiêu chuẩn quốc tế FSC được thực hiện giữa công ty và các hộ dân trồng rừng được hình thành và đang trên đà phát triển. Sau 3 năm thực hiện, năm 2018 tổng diện tích rừng được cấp chứng chỉ FSC đạt 19.787 ha, trong đó diện tích rừng của các hộ gia đình là 7.805 ha, chiếm 39,4% (Sở NN&PTNT, 2018).

Tuy nhiên, đến nay số hộ dân tham gia vào mô hình vẫn còn khiêm tốn, mô hình liên kết giữa công ty cổ phần Woodland và các hộ trồng rừng được hình thành chủ yếu do nhu cầu kết nối từ phía công ty. Liệu mô hình có thực sự đem lại hiệu quả kinh tế lâu dài cho các hộ trồng rừng? Tình hình thực hiện và những khó khăn đang gặp phải trong quá trình triển khai mô hình này như thế nào? Làm thế nào để tăng cường kết quả và hiệu quả của quan hệ liên kết, qua đó thúc đẩy phát triển rừng trồng, góp phần đưa Tuyên Quang trở thành một tỉnh phát triển về kinh tế lâm nghiệp mạnh là những câu hỏi đang được đặt ra. Chính vì vậy, nghiên cứu này được thực hiện nhằm tìm hiểu thực trạng, từ đó đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện và phát triển mô hình trồng rừng liên kết theo tiêu chuẩn FSC trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang trong thời gian tới.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu sử dụng phương pháp tiếp cận hệ thống và tiếp cận có sự tham gia. Nguồn số

liệu thứ cấp như thông tin về hiện trạng rừng trồng, số diện tích rừng có chứng chỉ FSC, cơ chế liên kết và những thông tin khác có liên quan trong giai đoạn 2014-2018 được lấy từ báo cáo tổng kết, tài liệu của các cơ quan quản lý, Sở NN & PTNT, Chi cục Kiểm lâm, công ty cổ phần Woodland Tuyên Quang. Nguồn số liệu sơ cấp bao gồm các thông tin về hiệu quả kinh tế từ rừng trồng có chứng chỉ FSC của các hộ dân. Lợi ích từ mô hình được thu thập thông qua khảo sát và điều tra 120 hộ gia đình, trong đó tiến hành thảo luận 3 nhóm hộ với 80 hộ tham gia trồng rừng liên kết theo tiêu chuẩn FSC thuộc hợp tác xã (HTX) Tiến Huy tại xã Tiến Bộ, huyện Yên Sơn và 40 hộ gia đình trồng rừng theo phương pháp truyền thống tại xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương. Bên cạnh đó, nghiên cứu còn phỏng vấn sâu 10 cán bộ các cấp: cán bộ xã, cán bộ quản lý, cán bộ phụ trách phát triển rừng nguyên liệu của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chi cục Kiểm Lâm, phỏng vấn sâu hai cán bộ phụ trách phát triển vùng nguyên liệu của công ty cổ phần Woodland để đánh giá về những thuận lợi khó khăn trong quá trình hình thành và vận hành mô hình trồng rừng liên kết theo tiêu chuẩn FSC.

Phương pháp thống kê mô tả, phân tích lợi ích chi phí, phân tích so sánh là những phương pháp chủ yếu được sử dụng trong quá trình nghiên cứu. Phương pháp phân tích chi phí lợi ích dùng để đánh giá hiệu quả kinh tế trong sản xuất cam như một dự án đầu tư trong nhiều năm (Juan & cs., 2016). Phân tích đầu tư này được sử dụng để đánh giá khả năng sinh lời trong thực hiện các dự án. Giá trị hiện tại ròng (NPV) là dòng thu nhập và chi phí theo thời gian được quy đổi về hiện tại. Một dự án đầu tư khả thi về mặt kinh tế phải có giá trị NPV lớn hơn 0 (Wesseler, 1992). Công thức tính NPV như sau:

$$NPV = \sum_{t=0}^n \frac{Bt - Ct}{(1+r)^t}$$

Trong đó, t: thời gian của dự án đầu tư;
r: tác giả sử dụng lãi suất tiền gửi ngân hàng;
Ct: chi phí cho đầu tư hàng năm; Bt: Doanh thu thu được hàng năm.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Khái quát tình hình trồng rừng theo tiêu chuẩn FSC trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

FSC viết tắt của từ Forest Stewardship Council (Hội đồng quản lý rừng). Đây là tổ chức đưa ra hệ thống nguyên tắc và chuẩn mực yêu cầu sản phẩm từ rừng phải có tính pháp lý, việc trồng rừng phải đảm bảo các yêu cầu về môi trường, xã hội, kinh tế (10 nguyên tắc và 56 tiêu chí). Để đạt chứng chỉ FSC, người trồng rừng phải tuân thủ tuyệt đối các nguyên tắc về pháp luật, trách nhiệm với việc sử dụng và sở hữu, mối quan hệ cộng đồng và quyền của người lao động. Rừng trồng theo tiêu chuẩn FSC là rừng trồng thuần loài. Quy trình trồng và chăm sóc rừng tuân theo đúng yêu cầu kỹ thuật, không đốt thực bì sau khai thác, không sử dụng thuốc diệt cỏ, vệ sinh rừng trồng, thu gom các túi bầu cây giống và bao bì thuốc bảo vệ thực vật để xử lý (Ban chính sách và tiêu chuẩn FSC, 2017). Những yêu cầu về mặt kỹ thuật này rất có lợi trong việc gìn giữ và bảo vệ môi trường cũng như bảo vệ hệ sinh thái rừng. Ngoài ra, rừng trồng theo tiêu chuẩn FSC phải đảm bảo việc truy xuất nguồn gốc gỗ, chu kỳ khai thác thấp nhất là 7 năm để tạo nguồn gỗ nguyên liệu có sinh khối đủ lớn. Chính vì vậy, tham gia FSC là tham gia xu thế hội nhập bắt buộc hiện nay để phát triển kinh tế rừng và bảo vệ môi trường theo hướng bền vững.

Việc cấp chứng chỉ FSC cho rừng trồng được thực hiện tại tỉnh Tuyên Quang từ năm 2015, số diện tích rừng được cấp chứng chỉ ban đầu trong toàn tỉnh là 14.462 ha, chiếm 7,6% tổng diện tích rừng trồng sản xuất. Đến năm 2018, số diện tích rừng có FSC đã tăng lên đạt 11.982 ha. Mặc dù tỷ lệ diện tích rừng đạt chứng chỉ FSC còn

khá khiêm tốn so với tổng số diện tích rừng trồng sản xuất (đạt tỷ lệ 10,5%) nhưng Tuyên Quang vẫn là tỉnh có tỉ lệ rừng được cấp chứng chỉ cao nhất cả nước, so với mức bình quân toàn quốc khoảng 4% (Tổng cục Lâm nghiệp, 2018).

Để nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị, thu nhập cho người trồng rừng trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh Tuyên Quang đã ban hành Quyết định số 1450/QĐ-UBND ngày 08/12/2017 về việc phê duyệt giao dự toán kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững 2017, trong đó hỗ trợ một lần chi phí tối đa cho các hộ gia đình cấp chứng chỉ rừng là 300.000 đồng/ha. Đây là chính sách quan trọng về hỗ trợ đầu tư cấp chứng chỉ rừng cho các hộ gia đình và Tuyên Quang cũng là một trong những tỉnh đầu tiên của cả nước áp dụng Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về hỗ trợ chi phí cấp chứng chỉ rừng. Đến hết năm 2018 có tổng cộng 1.019 hộ gia đình đã tham gia vào mô hình (Bảng 2).

3.2. Mô hình trồng rừng liên kết theo tiêu chuẩn FSC

3.2.1. Cơ chế và hình thức liên kết

Công ty cổ phần Woodland Tuyên Quang là công ty chuyên sản xuất các sản phẩm gỗ nội thất. Với công suất nhà máy trên 680.000 m³ gỗ/năm, mỗi năm công ty cần diện tích khai thác tối thiểu 2.500 ha rừng trồng với chu kỳ tối thiểu 7 năm và phải có chứng chỉ FSC (Công ty cổ phần Woodland, 2018). Hiện công ty là đơn vị chủ yếu thu mua gỗ nguyên liệu có chứng chỉ FSC trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Đây cũng là bên có vai trò quyết định chính trong việc hình thành mô hình liên kết.

Bảng 1. Hiện trạng rừng trồng có chứng chỉ FSC trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

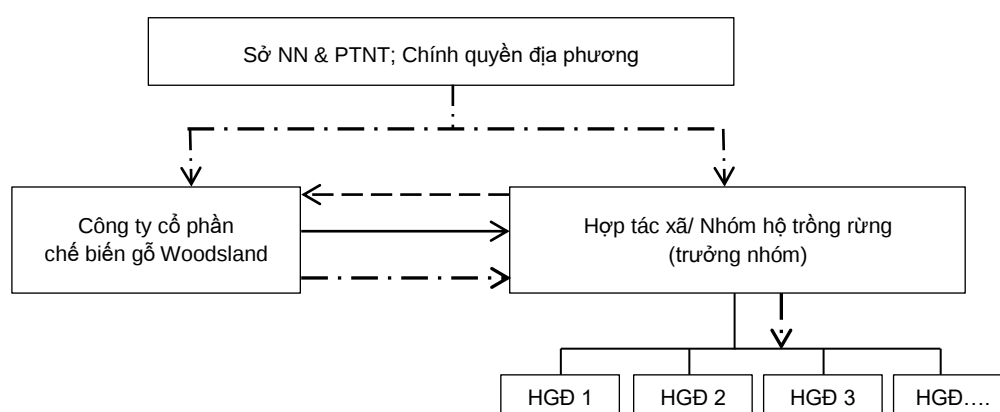
Loại rừng	2015		2016		2017		2018	
	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
Rừng trồng sản xuất	152.569	100	164.301	100	176.109	100	187.674	100
Rừng có chứng chỉ FSC	11.642	7,6	14.962	8,1	17.478	9,4	19.787	10,5
- Công ty lâm nghiệp	9.307	79,9	10.375	71,7	11.982	68,6	11.982	60,6
- Hộ gia đình	2.335	20,1	4.227	28,3	5.496	31,4	7.805	39,4

Nguồn: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 2018

Bảng 2. Biến động về số hộ và diện tích rừng của các hộ tham gia mô hình liên kết trồng rừng theo tiêu chuẩn FSC

Chỉ tiêu	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Tốc độ phát triển bình quân (%)	
	Số hộ (hộ)	Diện tích (ha)	Số hộ (hộ)	Diện tích (ha)	Số hộ (hộ)	Diện tích (ha)	Số hộ	Diện tích
Yên Sơn	510	2.911	578	3.557	750	4.944	121,27	130,32
Chiêm Hóa	102	580	135	725	167	966	127,96	129,05
Sơn Dương	45	736	67	1.214	102	1.895	150,55	160,46
Tổng	657	4.227	780	5.496	1.019	7.805	124,54	135,88

Nguồn: Phòng nguyên liệu, Công ty cổ phần Woodland, 2018.



Ghi chú: —> Đặt hàng; <— Cung cấp theo yêu cầu; -.-> Hỗ trợ thủ tục hành chính, kỹ thuật, tài chính

Sơ đồ 1. Mô hình liên kết giữa công ty cổ phần Woodland và các nhóm hộ gia đình trong trồng rừng theo tiêu chuẩn FSC

Để đảm bảo nguồn cung gỗ nguyên liệu có chứng chỉ FSC, công ty Woodland đã liên kết và đầu tư kinh phí khoảng hơn một triệu USD để đầu tư cấp chứng chỉ rừng cho 5 công ty lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh và các nhóm hộ gia đình trong việc phát triển các vùng gỗ rừng trồng theo tiêu chuẩn FSC. Trong phạm vi nghiên cứu này, chúng tôi chỉ tập trung vào phân tích mô hình liên kết giữa công ty Woodland và các nhóm hộ trồng rừng. Hình thức liên kết được thể hiện qua sơ đồ 1.

Trong mô hình này, Sở NN&PTNT và chính quyền địa phương có vai trò quan trọng, tạo điều kiện và cơ sở pháp lý, hỗ trợ thủ tục, trực tiếp tham gia vào việc hình thành mô hình liên kết. Chính quyền địa phương cùng với HTX thực hiện tuyên truyền, vận động, cử người tham gia các cuộc họp thôn, xã để quảng bá về mô hình, xúc tiến và phê chuẩn việc thành lập các nhóm hộ.

Một trong những điều kiện bắt buộc để tham gia vào liên kết là 100% các hộ phải có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp và có diện tích từ 0,3 ha trở lên. Do đặc thù của mô hình liên kết và để tiết kiệm kinh phí mỗi lần cấp chứng chỉ, công ty Woodland không liên kết với từng hộ gia đình đơn lẻ mà liên kết theo các nhóm hộ thông qua hợp tác xã và hợp đồng hỗ trợ.

Hợp tác xã là đơn vị vừa đại diện cho các nhóm hộ, vừa hướng dẫn các hộ gia đình trồng rừng theo đúng tiêu chuẩn FSC. Với mục tiêu tạo thành vùng gỗ nguyên liệu tập trung có diện tích lớn; nâng cao hiệu quả kinh tế rừng trồng sản xuất có chu kỳ kinh doanh gỗ từ 7 năm trở lên theo yêu cầu khi liên kết của phía công ty, các hộ gia đình có đất rừng trồng liên nhau tập trung thành các nhóm hộ trên tinh thần tự

nguyên, dân chủ và không phải đóng bất kỳ khoản phí nào.

Trách nhiệm và quyền lợi của các bên trong mô hình liên kết trồng rừng theo tiêu chuẩn FSC được thể hiện ở bảng 3.

3.2.2. Kết quả và hiệu quả kinh tế của các hộ tham gia mô hình liên kết trồng rừng theo tiêu chuẩn FSC

Kết quả khảo sát 120 hộ cho 2 nhóm hộ cho thấy đối với nhóm hộ tham gia liên kết có số năm trồng rừng nhiều hơn so với nhóm hộ không tham gia mô hình liên kết. Lý do khi chọn điểm làm mô hình thì chủ yếu chọn vào những vùng đã sản xuất gỗ nguyên liệu từ lâu. Diện tích bình quân của các hộ tham gia liên kết trồng rừng theo tiêu chuẩn FSC có diện bình quân là 7,19 ha lớn hơn so với nhóm hộ không liên kết.

Để tạo ra một mét khối gỗ tròn nguyên liệu

có chứng chỉ FSC thì trong chi phí trồng rừng phải tính thêm các hạng mục chi phí liên quan đến việc thực hiện đánh giá cấp chứng chỉ FSC. Hiện chứng chỉ FSC cấp cho các hộ có giá trị trong 5 năm. Chi phí cho việc đánh giá khoảng 28.000 USD ($\approx 652.960.000$ VNĐ), bao gồm chi phí đánh giá năm đầu 8.000 USD ($\approx 186.560.000$ VNĐ) và chi phí đánh giá hàng năm trong 4 năm tiếp theo 20.000 USD/4 năm ($\approx 466.400.000$ VNĐ/4 năm). Tuy nhiên, chi phí bình quân đánh giá cấp chứng chỉ cho mỗi hecta rừng sẽ giảm xuống khi quy mô tổng diện tích rừng trồng của nhóm hộ tăng lên.

Giá bán gỗ tại thời điểm điều tra cho thấy mức chênh lệch giá bán gỗ có chứng chỉ FSC cao hơn giá gỗ thường không có FSC là 15%. Do vậy, doanh thu bán gỗ tính trên 1 ha của hai loại cũng khác nhau. Kết quả sản xuất của các hộ trồng rừng theo tiêu chuẩn FSC được thể hiện qua bảng 5.

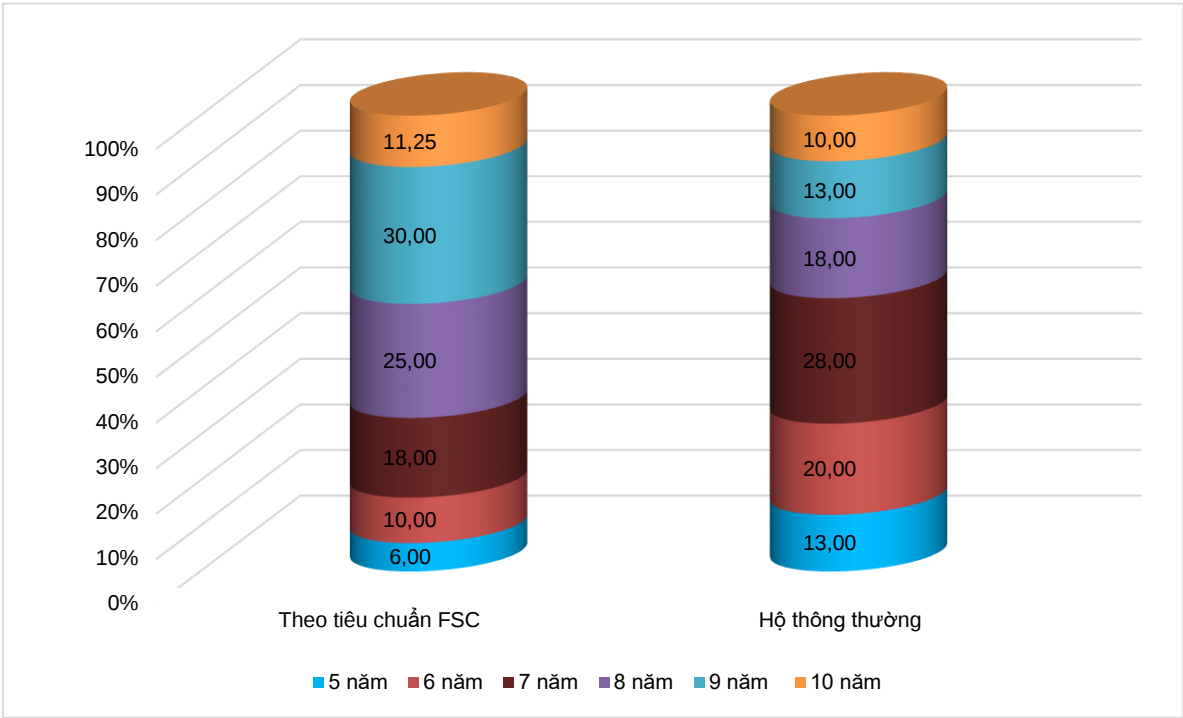
Bảng 3. Quyền lợi và trách nhiệm của các bên trong mô hình liên kết trồng rừng theo tiêu chuẩn FSC

	Quyền lợi	Trách nhiệm
Các nhóm hộ gia đình	- Được hỗ trợ 100% phí đánh giá, cấp chứng chỉ rừng. - Được đảm bảo đầu ra sau khai thác với mức giá bán cao hơn giá thị trường. - Được tiếp cận với tiến bộ kỹ thuật, cách thức canh tác trồng rừng mới, xóa bỏ hẳn tình trạng trồng tự phát như trước đây.	- Tuân thủ đúng các yêu cầu kỹ thuật về trồng rừng theo các tiêu chí của FSC, đảm bảo gỗ nguyên liệu đạt chứng chỉ FSC. - Trồng rừng và quản lý bảo vệ rừng, kéo dài chu kỳ cây (ít nhất 7 năm) nhằm đảm bảo yêu cầu gỗ lớn. - Ưu tiên bán gỗ cho các xưởng xẻ COC hoặc bán trực tiếp cho công ty Woodland.
Hợp tác xã	- Tiếp nhận tài chính từ công ty và triển khai gói hỗ trợ cấp chứng chỉ rừng FSC cho các hộ gia đình. - Được đào tạo kĩ thuật trồng rừng theo tiêu chuẩn FSC - Được cung cấp thông tin về nguồn gốc, nơi bán cây giống uy tín để giới thiệu cho các hộ, đồng thời đảm bảo các chứng từ gốc để phục vụ công tác truy xuất nguồn gốc gỗ.	- Hỗ trợ chuẩn bị hiện trường, hồ sơ trồng rừng của các hộ gia đình phục vụ cho hoạt động đánh giá cấp chứng chỉ. - Tổng hợp kế hoạch khai thác và đăng ký khai thác rừng hàng năm của tất cả hộ gia đình trong nhóm. - Hỗ trợ các hộ gia đình trong việc bán và khai thác gỗ, hướng các hộ bán gỗ cho các xưởng xẻ chế biến của công ty Woodland.
Công ty chế biến gỗ	- Có nguồn gỗ nguyên liệu cho sản xuất ổn định lâu dài, đảm bảo các tiêu chuẩn về truy xuất nguồn gốc gỗ, đáp ứng được các yêu cầu hợp pháp và bền vững về sản phẩm của tập đoàn IKEA và các thị trường nhập khẩu khó tính. - Chủ động được nguồn nguyên liệu đầu vào sản xuất, giảm sự phụ thuộc vào nguồn gỗ nguyên liệu nhập khẩu.	- Kết hợp với HTX, chủ nhóm hộ tập huấn kỹ thuật trồng, chăm sóc, quản lý và bảo vệ rừng theo tiêu chuẩn FSC. - Hỗ trợ tập huấn về công tác tổ chức, vận hành hoạt động của các nhóm hộ. - Hỗ trợ toàn bộ chi phí thuê chuyên gia đánh giá, khảo sát, cấp chứng chỉ rừng FSC (giá trị 5 năm). - Cam kết thu mua gỗ có chứng chỉ FSC sau khi khai thác với giá cao hơn mức giá thị trường tại thời điểm khai thác từ 10-15%.

Nguồn: Hợp đồng hỗ trợ, Công ty cổ phần Woodland, 2018.

Bảng 4. Thông tin cơ bản hộ điều tra

Thông tin	ĐVT	Hộ tham gia mô hình liên kết	Hộ không tham gia mô hình liên kết
Số hộ	hộ	80	40
Tuổi	tuổi	45,62	47,04
Số năm đi học	năm	10,25	9,16
Kinh nghiệm trồng rừng	năm	15,54	12,82
Diện tích bình quân	ha	7,19	5,29



Biểu đồ 1. Cơ cấu các hộ bán gỗ nguyên liệu theo năm khai thác

Bảng 5. Kết quả sản xuất của các hộ trồng rừng theo tiêu chuẩn FSC
(tính bình quân cho 1 ha)

Chỉ tiêu	ĐVT	Theo tiêu chuẩn FSC					
		5 năm	6 năm	7 năm	8 năm	9 năm	10 năm
1. Chi phí	tr. đồng	57,46	59,32	61,37	63,59	65,79	67,79
Giống	tr. đồng	1,25	1,27	1,26	1,29	1,27	1,26
Phân bón	tr. đồng	2,85	2,94	2,90	2,97	3,11	3,03
Thuê lao động	tr. đồng	50,00	51,60	53,60	55,60	57,60	59,60
Khấu hao	tr. đồng	0,25	0,25	0,25	0,25	0,25	0,25
Khác	tr. đồng	3,11	3,26	3,36	3,48	3,56	3,65
2. Giá trị sản xuất	tr. đồng	105,20	123,90	149,50	177,40	197,50	210,20
3. Thu nhập hỗn hợp	tr. đồng	47,74	64,58	88,13	113,82	131,72	142,42
4. Công lao động gia đình	công	45,00	51,00	57,00	63,00	69,00	72,00
5. Thu nhập hỗn hợp/công	tr. đồng/công	1,06	1,27	1,55	1,81	1,91	1,98

Đối với các hộ trồng rừng theo mô hình FSC đang thu hoạch từ năm thứ 5 đến năm thứ 10, nhưng tập trung chủ yếu thu từ năm thứ 7 trở đi. Chi phí tập trung chủ yếu vào năm thứ nhất gồm chi phí giống, phân bón và thuê lao động, những năm tiếp theo chi phí phát sinh ít, chỉ có những hộ thuê lao động phát quang, còn một số hộ tự làm. Đối với năm thu hoạch, hiện nay có hai hình thức bán, nhóm hộ bán khoán thì gần như mất rất ít chi phí, nhưng giá bán thấp hơn, còn nhóm hộ tự khai thác bán thì gần như chi phí khá lớn ở giai đoạn này, nhưng giá bán lại cao hơn hẳn.

Để xác định được hiệu quả tốt hơn cho cây dài ngày, chúng tôi tính NPV và IRR cho hai nhóm mô hình trồng rừng theo tiêu chuẩn FSC và trồng thông thường để thấy được hiệu quả của từng nhóm và hiệu quả thu hoạch vào các thời điểm.

Kết quả cho thấy nếu xét trồng rừng như một dự án đầu tư với chu kỳ thông thường với chu kỳ từ 5 đến 10 năm, sử dụng lãi suất gửi/năm của ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là 8,5%, nhóm hộ trồng rừng theo mô hình FSC thu hoạch ở năm thứ 9 sẽ có giá trị NPV cao nhất (Bảng 5). Giá trị NPV năm thứ 10 gấp 2 lần so với năm thứ 5 cho thấy nếu nhân đôi chu kỳ của năm thứ 5 sẽ không hiệu quả bằng để 1 chu kỳ 10 năm. Nhóm hộ thông

thường thu hoạch ở năm thứ 8 sẽ có giá trị NPV cao nhất.

3.4. Khó khăn trong quá trình vận hành mô hình

Liên kết trồng rừng theo tiêu chuẩn FSC giữa công ty Woodland và các hộ gia đình được hình thành do nhu cầu và sức ép tiêu thụ sản phẩm gỗ có chứng chỉ FSC trên thị trường của công ty. Toàn bộ các khoản chi phí liên quan đến việc hình thành và vận hành các nhóm hộ, hướng dẫn các hộ trồng, chăm sóc và khai thác theo yêu cầu FSC; chi phí đánh giá, cấp chứng chỉ rừng. Hiện các chi phí này đang được công ty Woodland hỗ trợ hoàn toàn và chưa được tính vào trong cơ cấu giá thành sản xuất ra gỗ nguyên liệu của các hộ. Theo thông tin điều tra từ các hộ cho thấy với mức giá chênh lệch nhau không quá lớn (10-15%) như hiện nay giữa gỗ có chứng chỉ FSC và gỗ không có chứng chỉ FSC, nếu hộ phải tự bỏ toàn bộ các khoản chi phí này thì hộ sẽ không sẵn sàng tham gia mô hình liên kết bởi chưa chắc lợi ích kinh tế từ việc trồng rừng có FSC sẽ nhiều hơn so với trồng rừng theo cách truyền thống. Do đó, trong tương lai các khoản trợ cấp trên nếu không còn nữa, trong khi hộ phải tự đầu tư đặc biệt là các chi phí liên quan đến cấp chứng chỉ thì mô hình liên kết này dự đoán sẽ khó có thể hình thành.

Bảng 6. So sánh hiệu quả mô hình trồng rừng theo tiêu chuẩn FSC và trồng thông thường
(tính bình quân cho 1 ha)

Chỉ tiêu	ĐVT	5 năm	6 năm	7 năm	8 năm	9 năm	10 năm
1. Hộ tham gia mô hình liên kết							
Thu nhập hỗn hợp	tr. đồng	47,74	64,58	88,13	113,82	131,72	142,42
Thu nhập hỗn hợp/ lao động gia đình	tr. đồng/công	1,06	1,27	1,55	1,81	1,91	1,98
NPV	tr. đồng	24,76	30,94	39,73	47,75	50,26	48,56
IRR	%	29	27	27	26	24	22
2. Hộ không tham gia mô hình liên kết							
Thu nhập hỗn hợp	tr. đồng	16,12	27,85	48,04	64,91	71,14	76,85
Thu nhập hỗn hợp/ lao động gia đình	tr. đồng/công	0,34	0,55	0,89	1,14	1,19	1,22
NPV	tr. đồng	5,21	9,12	18,05	23,55	22,78	19,04
IRR	%	15	16	19	20	18	10

Khó khăn trong việc tuân thủ các yêu cầu của FSC bao gồm 10 nguyên tắc và 56 tiêu chí. Tình trạng diện tích rừng của những hộ đã có chứng chỉ FSC nằm xen kẽ với đất của các hộ không hoặc chưa tham gia liên kết, cùng với sự manh mún, nhỏ lẻ của đất rừng gây nên những rủi ro trong việc tuân thủ các yêu cầu của FSC. Bên cạnh đó, rất khó để thay đổi nhận thức, thói quen của các hộ đã quen với trồng rừng theo phương thức truyền thống. Hầu hết các hộ dân trồng rừng đều sinh sống ở khu vực nông thôn, điều kiện nguồn lực và trình độ thâm canh của hộ còn hạn chế. Các hộ đã tham gia trồng rừng đều được trên 15 năm và trên 45 tuổi. Do đó, để thay đổi một thói quen sản xuất là rất khó. Kết quả phỏng vấn các cán bộ cấp xã, cán bộ thuộc ban chủ nhiệm hợp tác xã và qua phỏng vấn sâu cán bộ phụ trách phát triển vùng nguyên liệu cho công ty Woodland đều cho rằng khi triển khai, vận động các hộ gia đình tham gia vào mô hình liên kết họ gặp phải khó khăn trong việc thuyết phục các hộ và theo sát các hộ trong quá trình vận hành, trồng và chăm sóc rừng theo yêu cầu. Bởi trình độ dân trí của hầu hết các hộ còn thấp. Thói quen, tập quán canh tác đã được in sâu và khó thay đổi.

Quá trình vận hành mô hình liên kết xuất hiện những rủi ro liên quan đến mối quan hệ hợp tác giữa công ty và các hộ gia đình mà phía công ty sẽ là bên chịu nhiều rủi ro hơn. Hiện tại, cơ chế liên kết giữa công ty và các nhóm hộ là thông qua một bản hợp đồng hỗ trợ. Tuy nhiên, nội dung hợp đồng chỉ đề cập đến việc công ty sẽ hỗ trợ toàn bộ chi phí cấp chứng chỉ, hỗ trợ về mặt kỹ thuật trồng và chăm sóc rừng. Công ty chỉ yêu cầu các nhóm hộ gia đình ưu tiên bán gỗ sau khi thu hoạch cho công ty chứ không bắt buộc. Như vậy, trong trường hợp các hộ không tuân thủ các điều kiện của hợp đồng như tự ý bán gỗ trước thời hạn hoặc không bán cho công ty thì công ty khó có thể khởi kiện hay áp dụng một chế tài nào cho các nhóm hộ. Phỏng vấn cán bộ của công ty Woodland cho biết: Hiện công ty phải chấp nhận các trường hợp vi phạm mà không có xử lý, nhưng trong tương lai công ty sẽ không bao giờ hợp tác với các hộ gia đình đó nữa. Nếu số

lượng vi phạm hợp đồng tăng thì nguồn cung gỗ cho công ty sẽ bị ảnh hưởng.

3.5. Đề xuất giải pháp

Mô hình liên kết trồng rừng theo tiêu chuẩn FSC là mô hình có nhiều tiềm năng trong việc đem lại hiệu quả xã hội và môi trường. Để hoàn thiện và phát triển mô hình, một số giải pháp được đề xuất như sau:

- Hiện tại trong giai đoạn còn sự hỗ trợ về mặt kỹ thuật, hỗ trợ về nguồn kinh phí để cấp chứng chỉ rừng đang được công ty Woodland chi trả, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cùng với hợp tác xã và các trưởng chi hội, nhóm hộ trồng rừng FSC cần tiếp tục rà soát, vận động các hộ gia đình có đất lâm nghiệp, đặc biệt là những hộ có đất lâm nghiệp trong cùng một lô, khoảnh trong vùng tham gia vào liên kết trên tình thần tự nguyện tham gia, tự nguyện tuân thủ các quy định của việc trồng rừng theo tiêu chuẩn FSC.

- Thành lập các nhóm hộ trồng rừng mới, mỗi nhóm hộ cần đảm bảo quy mô tối thiểu là 100 ha. Với quy mô này, các hộ trồng rừng có thể tiếp cận được chính sách hỗ trợ kinh phí cấp chứng chỉ rừng của Nhà nước theo Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg. Mặt khác, khi diện tích rừng có chứng chỉ càng mở rộng thì lợi ích thu được của hộ gia đình càng lớn, trong khi chi phí đánh giá để đạt chứng chỉ FSC phân bổ cho mỗi hecta càng nhỏ (chi phí cho mỗi lần đánh giá là cố định không phụ thuộc vào diện tích). Do vậy, việc xây dựng quy chế hoạt động của nhóm có đưa ra mức kinh phí đóng góp Quỹ cho việc duy trì cấp chứng chỉ rừng tại các giai đoạn tiếp theo (khi nguồn hỗ trợ cấp chứng chỉ rừng từ công ty cổ phần Woodland kết thúc) là hoàn toàn khả thi.

- Để nâng cao trách nhiệm của mỗi hộ gia đình trong việc tuân thủ theo các yêu cầu, nguyên tắc của FSC, cần nâng cao vai trò của hợp tác xã, các chi hội, nhóm hộ gia đình đã tham gia liên kết hiện tại. Cán bộ hợp tác xã, các trưởng nhóm và thành viên có trách nhiệm duy trì nhóm hộ trong việc thực hiện kỹ thuật trồng rừng theo tiêu chuẩn, tái sản xuất rừng

trồng có chứng chỉ cho chu kỳ tiếp theo. Vận động, hỗ trợ và giám sát các hộ gia đình mới tham gia tuân thủ theo đúng các yêu cầu, nguyên tắc. Mặt khác, công ty cần kết hợp các cán bộ khuyến nông thuộc Sở, cán bộ thôn xã, cán bộ hợp tác xã, trưởng nhóm, chi hội để truyền tải đúng và rõ ràng các thông tin về những cơ hội, sự cần thiết và lợi ích có thể nhận được khi tham gia mô hình liên kết đến các hộ gia đình. Từ đó tăng niềm tin đối với các hộ cũng như trách nhiệm khi tham gia liên kết của các hộ. Tổ chức các lớp tập huấn, dạy và chia sẻ kiến thức về trồng rừng FSC.

Do mối liên kết giữa hộ trồng rừng và công ty chế biến chịu nhiều tác động từ cung cầu trên thị trường nên khi có biến động rất dễ dẫn đến tình trạng không tuân thủ hợp đồng, nhất là từ phía các hộ gia đình. Để khắc phục tình trạng này, phía công ty và các nhóm hộ dưới sự đại diện là hợp tác xã cần thương thảo và xây dựng cơ chế liên kết bền vững thông qua hợp đồng liên kết. Hợp đồng cần đảm bảo công bằng về quyền lợi và nghĩa vụ giữa các bên. Ngoài việc duy trì và cam kết thực hiện tốt các điều khoản về hỗ trợ, công ty cần thêm các điều khoản về bao tiêu sản phẩm khi khai thác, minh bạch về giá, hỗ trợ tài chính... Công ty cũng cần trao đổi thường xuyên với hợp tác xã, trưởng các nhóm hộ để xây dựng kế hoạch khai thác thường niên, duy trì nguồn nguyên liệu cho sản xuất.

- Ủy ban nhân dân các cấp và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cần tiếp tục chỉ đạo việc rà soát diện tích rừng và đất lâm nghiệp trên địa bàn quản lý, lập kế hoạch giao đất lâm nghiệp, hướng dẫn các nhóm hộ, chi hội thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình theo quy định của Luật Đất đai năm 2013; phổ biến đến các hộ gia đình các chương trình và chính sách của Chính phủ, của tỉnh về phát triển kinh tế lâm nghiệp; hỗ trợ thủ tục pháp lý để các hộ gia đình dễ dàng tham gia liên kết cũng như tham gia vào các chương trình, dự án quản lý và phát triển rừng bền vững; chứng thực hợp đồng liên kết hợp tác giữa công ty và các nhóm hộ; tham gia giám sát và có biện pháp xử lý việc thực hiện cam kết của các bên liên quan.

4. KẾT LUẬN

Mô hình liên kết trồng rừng theo tiêu chuẩn FSC tại Tuyên Quang đã có những đóng góp quan trọng trong việc thúc đẩy nghề trồng rừng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Nghiên cứu cho thấy các điều kiện để hình thành mô hình liên kết trồng rừng theo tiêu chuẩn FSC là: 1) Phải có một tổ chức làm đầu mối, có tiềm lực tài chính và khả năng hỗ trợ kỹ thuật đứng ra chủ trì và khởi xướng xây dựng mô hình liên kết; 2) Các tác nhân tham gia liên kết đều có lợi ích phù hợp; 3) Mô hình liên kết không phải là một tổ chức hành chính. Các bên tham gia trên cơ sở tự nguyện và hoạt động theo cơ chế đồng thuận.

Kết quả nghiên cứu hai nhóm hộ có tham gia liên kết và không tham gia liên kết cho thấy: Nhóm hộ liên kết nếu thu hoạch tại năm thứ 9 sẽ cho NPV cao nhất, còn nhóm hộ không tham gia liên kết thu hoạch tại năm thứ 8 sẽ được NPV cao nhất. Mô hình được cho là đem lại lợi ích cho người trồng rừng về mặt hiệu quả kinh tế, kiến thức và kỹ thuật trồng, chăm sóc rừng. Bên cạnh đó nó còn đem lại nhiều lợi ích tích cực cho việc bảo vệ môi trường. Tuy nhiên mô hình cũng tiềm ẩn nhiều rủi ro mà đối tượng chịu thiệt nhiều nhất là phía công ty.

Để hoàn thiện và phát triển mô hình trong thời gian tới, một số giải pháp chính được đề xuất gồm: 1) Tiếp tục vận động và mở rộng diện tích rừng trồng theo tiêu chuẩn FSC, đồng thời xây dựng quỹ duy trì việc cấp chứng chỉ tại các nhóm hộ; 2) Nâng cao vai trò hoạt động của các nhóm hộ, hợp tác xã trong việc tuyên truyền, vận động tham gia liên kết và giám sát việc thực hiện theo các yêu cầu, nguyên tắc của FSC; 3) Xây dựng cơ chế liên kết bền vững thông qua hợp đồng liên kết; 4) Nâng cao vai trò quản lý nhà nước của chính quyền địa phương trong việc duy trì và phát triển mô hình liên kết.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Ban chính sách và tiêu chuẩn FSC (2016). Bộ tiêu chuẩn quản trị rừng FSC của Việt Nam.
- Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang (2016). Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2015-2020.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tuyên Quang (2018). Báo cáo hiện trạng rừng sản xuất và rừng có chứng chỉ rừng FSC.

Tổng cục Lâm nghiệp Việt Nam (2018). Thống kê tổng số diện tích rừng có chứng chỉ FSC trên cả nước.

Juan T., Diego L.V., Luis J.B. & Carlos H.S. (2016). Economic and Social Sustainability through Organic Agriculture: Study of the Restructuring of the Citrus

Sector in the “Bajo Andarax” District (Spain). Sustainability 8: 918, doi:10.3390/su8090918.

Webber M. (2007). Using value chain approaches in agribusiness and agriculture in sub-saharan africa. A methodological guide Tools That Make Value Chains Work: Discussion and Cases. Retrieved from <https://www.technoserve.org/files/downloads/vcguidenov12-2007.pdf> on May 27, 2017.